

KẾT LUẬN THANH TRA

Thanh tra trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh trong công tác chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU)

Thực hiện Quyết định thanh tra số 94/QĐ-TTr ngày 24/3/2026 của Chánh Thanh tra tỉnh về việc thanh tra trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh trong công tác chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU), từ ngày 10/4/2026 đến ngày 29/5/2026, Đoàn thanh tra đã tiến hành thanh tra tại các đơn vị: Chi cục Thủy sản và Kiểm ngư; Văn phòng thanh tra, kiểm tra, kiểm soát nghề cá tại các Cảng cá; Ban Quản lý Cảng cá và Đăng kiểm tàu cá; Cảng cá Bến cá chợ Cửa Việt; Cảng cá Việt Trung; Chợ Thủy sản - Cầu tàu Quảng Phúc; Bến dịch vụ hậu cần nghề cá Mũi Ông.

Xét báo cáo kết quả thanh tra số 03/BC-ĐTTr ngày 25/6/2026 của Trưởng đoàn thanh tra; Báo cáo kết quả thẩm định dự thảo kết luận thanh tra số 153/BC-NV2 ngày 15/7/2026 của Phòng Giám sát, thẩm định và xử lý sau thanh tra, Chánh Thanh tra tỉnh kết luận như sau:

I. KHÁI QUÁT CHUNG

1. Đặc điểm, tình hình

Chi cục Thủy sản và Kiểm ngư tỉnh Quảng Trị (sau đây gọi tắt là Chi cục) là đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường, được thành lập theo Quyết định số 275/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 trên cơ sở hợp nhất Chi cục Thủy sản Quảng Trị (cũ) và Chi cục Thủy sản, Biển, Hải đảo và Kiểm ngư Quảng Bình (cũ). Chi cục có chức năng tham mưu, giúp Sở thực hiện quản lý nhà nước và tổ chức thực thi pháp luật về thủy sản, kiểm ngư; quản lý khai thác thủy sản, tàu cá, cảng cá; bảo vệ nguồn lợi thủy sản và chủ trì triển khai các nhiệm vụ chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU).

Văn phòng thanh tra, kiểm tra, kiểm soát nghề cá (gọi tắt là Văn phòng kiểm soát nghề cá) được thành lập tại các Cảng cá và bến cá theo quy định, do Chi cục Thủy sản và Kiểm ngư chủ trì, phối hợp với Bộ đội Biên phòng, Công an và các đơn vị quản lý Cảng cá tổ chức kiểm tra, kiểm soát tàu cá ra, vào cảng; giám sát hoạt động nghề cá; tuyên truyền pháp luật; lập hồ sơ vi phạm và thực hiện các nhiệm vụ chống khai thác IUU.

Ban Quản lý Cảng cá và Đăng kiểm tàu cá là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường, được giao quản lý 04 cảng cá công lập gồm Cửa Việt, Cửa Tùng, Nhật Lệ và Sông Gianh; đồng thời tổ chức kiểm tra tàu cá, giám sát sản lượng thủy sản qua cảng, thu nhận nhật ký khai thác và

phối hợp thực hiện công tác chống khai thác IUU. Ngoài ra, trên địa bàn tỉnh còn có 04 Cảng cá do khu vực tư nhân quản lý, đều đã được công bố mở cảng và chỉ định tiếp nhận tàu cá khai thác vùng khơi cập cảng.

Toàn tỉnh hiện có 4.636 tàu cá có chiều dài từ 06 mét trở lên, gồm: 2.963 tàu từ 06 mét đến dưới 12 mét, 325 tàu từ 12 mét đến dưới 15 mét và 1.348 tàu có chiều dài từ 15 mét trở lên hoạt động khai thác vùng khơi. Cơ cấu nghề khai thác khá đa dạng, gồm 2.517 tàu lưới rê, 156 tàu lưới vây, 506 tàu lưới chụp, 1.193 tàu nghề câu, 62 tàu lưới kéo, 148 tàu hoạt động các nghề khác và 54 tàu dịch vụ hậu cần nghề cá. Những năm gần đây, hoạt động khai thác thủy sản của tỉnh phát triển theo hướng hiện đại, khai thác có trách nhiệm, từng bước nâng cao hiệu quả sản xuất, góp phần phát triển kinh tế biển và thực hiện hiệu quả các quy định về chống khai thác IUU.

2. Phạm vi thanh tra

Để bảo đảm không chồng chéo, trùng lặp về phạm vi và nội dung thanh tra, Đoàn Thanh tra không tiến hành thanh tra đối với các nội dung đã được các Đoàn kiểm tra của cấp Bộ¹ kiểm tra về công tác chống khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU) trên địa bàn tỉnh trong giai đoạn từ năm 2024 đến Quý I năm 2026; đồng thời kế thừa kết quả kiểm tra của các Đoàn theo quy định.

Kết quả thanh tra, đánh giá và nhận xét tại Kết luận này được thực hiện trên cơ sở hồ sơ, tài liệu, báo cáo do đối tượng thanh tra cung cấp và kết quả kiểm tra, xác minh của Đoàn Thanh tra.

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

1. Công tác tham mưu, thực hiện kế hoạch, tuyên truyền chống khai thác IUU

- Trong giai đoạn từ năm 2024 đến Quý I năm 2026, Chi cục đã chủ động tham mưu các cấp có thẩm quyền ban hành nhiều văn bản phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và quản lý nhà nước trong lĩnh vực thủy sản. Cụ thể, đã tham mưu Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành 04 văn bản quy phạm pháp luật²;

¹ Trong giai đoạn từ năm 2024 đến Quý I năm 2026, trên địa bàn tỉnh đã được các cơ quan Trung ương tiến hành 08 cuộc kiểm tra về công tác chống khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU), cụ thể:

Năm 2024: có 02 cuộc kiểm tra do Đoàn kiểm tra của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện vào các ngày 26/7/2024 và 18/9/2024.

Năm 2025: có 04 cuộc kiểm tra, gồm 03 cuộc do Đoàn kiểm tra của Cục Thủy sản và Kiểm ngư/ Bộ Nông nghiệp và Môi trường thực hiện vào các ngày 26-27/8/2025, 03/10/2025 và 09-10/12/2025; 01 cuộc do Bộ Công an thực hiện vào ngày 18/10/2025.

Quý I năm 2026: có 02 cuộc kiểm tra, gồm 01 cuộc do Đoàn kiểm tra của Bộ Nông nghiệp và Môi trường thực hiện vào các ngày 03-04/02/2026 và 01 cuộc do Đoàn kiểm tra của Cục Viễn thông thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện vào ngày 02/3/2026.

² Nghị Quyết số 25/2026/NQ-HĐND ngày 03/2/2026 của HĐND tỉnh Quy định chính sách hỗ trợ cước phí thuê bao dịch vụ giám sát hành trình tàu cá tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2026-2028; Nghị Quyết số 55/2023/NQ-HĐND ngày 19/7/2023 của HĐND tỉnh Quy định chính sách hỗ trợ cước phí thuê bao dịch vụ giám sát hành trình tàu cá

tham mưu Tỉnh ủy, Văn phòng Tỉnh ủy và Đảng ủy UBND tỉnh ban hành 13 văn bản chỉ đạo, điều hành; tham mưu UBND tỉnh ban hành 122 văn bản và Sở Nông nghiệp và Môi trường ban hành 88 văn bản để chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn thuộc lĩnh vực thủy sản.

Đã tổ chức 19 hội nghị, lớp tập huấn tuyên truyền, phổ biến các quy định pháp luật về chống khai thác IUU cho các tổ chức, cá nhân hoạt động thủy sản³ (năm 2024 tổ chức 09 cuộc, năm 2025 tổ chức 10 cuộc).

Đồng thời, đơn vị đã thực hiện in ấn và phát hành 11.000 tờ rơi tuyên truyền đến ngư dân, chủ tàu cá và các đối tượng có liên quan (năm 2024 phát hành 6.000 bản, năm 2025 phát hành 5.000 bản).

Bên cạnh đó, Chi cục đã đăng tải 12 tin, bài tuyên truyền trên Bản tin ngành Nông nghiệp và Môi trường (năm 2024: 06 bài; năm 2025: 06 bài); đồng thời phối hợp với các cơ quan báo chí, truyền thông thực hiện tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng nhằm nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật của ngư dân trong hoạt động khai thác thủy sản.

Tuy nhiên, trong thời kỳ thanh tra (năm 2024, 2025 và quý I năm 2026), Văn phòng kiểm soát nghề cá chưa xây dựng, ban hành Kế hoạch kiểm tra tàu cá cập cảng, rời cảng hằng năm theo chức năng, nhiệm vụ được giao; Ban Quản lý Cảng cá và Đăng kiểm tàu cá tỉnh chưa xây dựng và ban hành kế hoạch kiểm tra việc thực hiện các quy định về chống khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU) đối với các Cảng cá trực thuộc quản lý.

2. Công tác quản lý, kiểm soát, giám sát hoạt động tàu cá

2.1. Công tác quản lý tàu cá

2.1.1. Việc cấp văn bản chấp thuận đóng mới, cải hoán, mua tàu cá:

Trong kỳ thanh tra, Chi cục đã thực hiện cấp văn bản chấp thuận đóng mới, cải hoán và mua tàu cá đối với 93 tàu cá, gồm 81 trường hợp cải hoán tàu cá và 12 trường hợp mua tàu cá từ ngoài tỉnh.

Qua kiểm tra hồ sơ, tài liệu có liên quan, nhận thấy việc cấp văn bản chấp thuận đóng mới, cải hoán, mua tàu cá được Chi cục thực hiện theo quy định tại Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản và Nghị định số 41/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết một

tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2023-2025; Nghị Quyết số 64/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Quy định chính sách hỗ trợ cước phí thuê bao dịch vụ giám sát hành trình tàu cá tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2024-2026; Quyết định số 32/2025/QĐ-UBND ngày 24/4/2025 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định tiêu chí đặc thù và quy trình xét duyệt hồ sơ đề nghị chấp thuận đóng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá trên biển; quy định về đóng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá hoạt động trong nội địa tỉnh Quảng Trị.

³ Các Kế hoạch: năm 2024 số 116/KH-CCTS ngày 5/3/2024, năm 2025 số 115/KH-CCTS ngày 7/2/2025, năm 2026 số 322/KH-CCTSKN ngày 31/3/2026; Các Kế hoạch số 41/KH-CCTS ngày 5/7/2024, số 60/KH-CCTS ngày 13/12/2024; số 36/CCTSKN-HCTC ngày 12/01/2026, số 68/SNN-KKKN ngày 10/01/2025, số 75/SNN-KNKN ngày 9/1/2024.

số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản; hồ sơ được lập, lưu trữ đầy đủ và sử dụng đúng biểu mẫu quy định.

2.1.2. Việc cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá; đăng ký tạm thời tàu cá:

Trong kỳ thanh tra Chi cục đã thực hiện cấp 1.487 Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá và đăng ký tạm thời tàu cá, gồm 1.478 trường hợp cấp mới và 09 trường hợp cấp lại.

Đoàn thanh tra lựa chọn ngẫu nhiên 136 hồ sơ để kiểm tra. Qua kiểm tra cho thấy hồ sơ cơ bản được lập, sử dụng đúng biểu mẫu và lưu trữ theo quy định.

Tuy nhiên, có một số thiếu sót trong việc lập và hoàn thiện hồ sơ đăng ký tàu cá. Cụ thể, có 02/136 hồ sơ có Tờ khai đăng ký tàu cá chưa được đại diện chủ tàu ký và ghi rõ họ tên; 05/136 hồ sơ có Tờ khai đăng ký tàu cá chưa ghi ngày, tháng lập tờ khai là thực hiện chưa đúng theo quy định tại Mẫu số 02.ĐKT - Tờ khai đăng ký tàu cá ban hành kèm theo Phụ lục VII Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT. (Chi tiết tại Phụ lục 1 kèm theo)

2.1.3. Việc xóa đăng ký tàu cá:

Theo báo cáo, trong kỳ thanh tra, Chi cục đã thực hiện xóa đăng ký đối với 1.058 tàu cá, gồm: 605 tàu cá bị phá hủy, phá dỡ, chìm đắm không thể trục vớt; 81 tàu cá mất tích sau 01 năm kể từ ngày thông báo; 31 tàu cá bán ra ngoài tỉnh; 337 tàu cá được xóa đăng ký theo đề nghị của chủ tàu để thực hiện mua bán trong tỉnh và 04 tàu cá được xóa đăng ký theo đề nghị của chủ tàu do cải hoán làm giảm kích thước xuống dưới 06 mét.

Đoàn thanh tra lựa chọn ngẫu nhiên 102 hồ sơ xóa đăng ký tàu cá để kiểm tra. Qua kiểm tra nhận thấy có 40/102 hồ sơ còn thiếu sót trong quá trình lập và lưu trữ hồ sơ xóa đăng ký tàu cá. Cụ thể, một số hồ sơ có Giấy chứng nhận xóa đăng ký tàu cá chưa ghi đầy đủ các thông tin theo mẫu quy định như: số Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, nơi đăng ký, ngày đăng ký tàu cá trước khi thực hiện xóa đăng ký và ngày có hiệu lực xóa đăng ký tàu cá; một số Tờ khai xóa đăng ký tàu cá chưa kê khai đầy đủ các thông tin về thời điểm đề nghị xóa đăng ký tàu cá, ngày đăng ký, nơi đăng ký, cơ quan đăng ký tàu cá và các thông tin có liên quan; một số hồ sơ không lưu Tờ khai xóa đăng ký tàu cá trong thành phần hồ sơ là thực hiện chưa đúng theo quy định, chưa bảo đảm việc kê khai đầy đủ nội dung theo Mẫu số 10.ĐKTC Tờ khai xóa đăng ký tàu cá và Mẫu số 11.ĐKT Giấy chứng nhận xóa đăng ký tàu cá ban hành kèm theo Phụ lục VII Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT. (Chi tiết tại Phụ lục 2 kèm theo)

2.1.4. Việc cấp giấy phép khai thác thủy sản:

Chi cục đã thực hiện cấp 3.262 giấy phép khai thác thủy sản, gồm 3.173 trường hợp cấp mới và 89 trường hợp cấp lại. 

Đoàn thanh tra lựa chọn ngẫu nhiên 387 hồ sơ để kiểm tra. Qua kiểm tra cho thấy việc cấp giấy phép khai thác thủy sản cơ bản được thực hiện theo đúng quy định tại Nghị định số 26/2019/NĐ-CP; Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 26/2019/NĐ-CP và Nghị định số 41/2026/NĐ-CP; ngành nghề khai thác ghi trong giấy phép phù hợp với ngành nghề khai thác được xác định trong Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá và các hồ sơ có liên quan.

2.1.5. Việc cấp giấy chứng nhận an toàn thực phẩm:

Chi cục đã thực hiện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm cho 1.159 tàu cá.

Đoàn thanh tra lựa chọn ngẫu nhiên 115 hồ sơ để kiểm tra. Qua kiểm tra cho thấy, việc thẩm định và cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét trở lên được thực hiện theo đúng thủ tục và thẩm quyền quy định tại Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Thông tư số 32/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 sửa đổi, bổ sung một số thông tư quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2.1.6. Việc cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá:

Việc cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá thuộc thẩm quyền của Ban Quản lý Cảng cá và Đăng kiểm tàu cá.

Trong thời kỳ thanh tra, Ban Quản lý Cảng cá và Đăng kiểm tàu cá đã thực hiện cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật cho 3.014 lượt tàu cá, trong đó năm 2024 cấp 1.334 lượt tàu cá, năm 2025 cấp 1.152 lượt tàu cá và quý I năm 2026 cấp 528 lượt tàu cá.

Đoàn Thanh tra lựa chọn ngẫu nhiên 301 bộ hồ sơ đăng kiểm tàu cá để kiểm tra. Qua kiểm tra cho thấy, hồ sơ, thủ tục đăng kiểm đối với từng tàu cá cơ bản được thiết lập, lưu trữ đầy đủ theo quy định; thông tin tàu cá sau khi được cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá đã được cập nhật, đồng bộ trên Hệ thống cơ sở dữ liệu nghề cá quốc gia (VNFishbase) theo quy định.

Tuy nhiên, phần lớn Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá chưa được kê khai đầy đủ các thông tin của người đề nghị theo mẫu quy định; còn thiếu các nội dung như số căn cước công dân và số điện thoại liên hệ là chưa bảo đảm đầy đủ nội dung theo Mẫu số 03.BĐ- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá ban hành kèm theo Phụ lục VI Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT).

TV

2.2. Việc quản lý tàu cá không đủ điều kiện hoạt động

Trong thời kỳ thanh tra, trên địa bàn tỉnh có 88 tàu cá không đủ điều kiện tham gia hoạt động khai thác thủy sản. Chi cục đã lập danh sách quản lý đối với từng tàu cá; phối hợp với UBND cấp xã thực hiện niêm phong, gắn bảng nhận diện, phân công cán bộ theo dõi, quản lý, giám sát vị trí neo đậu và hiện trạng của các tàu cá theo quy định. Đồng thời, phối hợp với lực lượng Bộ đội Biên phòng tăng cường kiểm tra, kiểm soát tại các cửa sông, cửa lạch, kiên quyết không cho các tàu cá thuộc diện không đủ điều kiện xuất bến tham gia hoạt động khai thác thủy sản.

2.3. Việc lắp đặt, kiểm soát, giám sát hành trình tàu cá (VMS)

Trong thời kỳ thanh tra có 1.339/1.348 tàu cá có chiều dài từ 15 mét trở lên đã lắp đặt thiết bị giám sát hành trình (VMS), đạt tỷ lệ 99,3%; còn 09 tàu chưa lắp đặt thiết bị VMS. Trong số này, có 04 tàu đang nằm bờ do tài sản bị ngân hàng kê biên, 04 tàu đang nằm bờ để cải hoán và 01 tàu nằm bờ không hoạt động do chủ tàu đang ở nước ngoài.

Việc kiểm soát, giám sát hoạt động tàu cá qua Hệ thống giám sát hành trình (VMS), Chi cục đã ban hành và tổ chức thực hiện theo các Quyết định quy định về Quy trình trực ban, vận hành Hệ thống giám sát tàu cá⁴. Chi cục đã tổ chức quản lý, vận hành hệ thống VMS; bố trí cán bộ trực theo dõi, giám sát hoạt động tàu cá liên tục 24 giờ/ngày, 7 ngày/tuần bằng hình thức trực tiếp kết hợp trực tuyến, cơ bản đáp ứng yêu cầu theo quy định. Phòng Kiểm ngư được giao nhiệm vụ thường xuyên theo dõi, giám sát hoạt động của tàu cá trên biển thông qua Hệ thống VMS, thực hiện việc tiếp nhận, xử lý thông tin và theo dõi tàu cá theo đúng quy trình đã được ban hành.

Chi cục đã thực hiện phân quyền tài khoản giám sát tàu cá trên hệ thống VMS cho các cơ quan, đơn vị có liên quan, gồm: Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh và các Đoàn Biên phòng tuyến biển; UBND và Công an các xã, phường có tàu cá có chiều dài từ 15 mét trở lên; Ban Quản lý Cảng cá và Đăng kiểm tàu cá tỉnh; các Cảng cá được chỉ định trên địa bàn tỉnh; Văn phòng kiểm soát nghề cá.

Hàng tuần, Chi cục thực hiện rà soát, tổng hợp và lập danh sách các tàu cá có nguy cơ cao vi phạm quy định về chống khai thác hải sản bất hợp pháp,

⁴ Quyết định 283/QĐ-CCTS ngày 22/7/2020 ban hành Quy trình Niêm phong, tháo niêm phong và niêm phong lại máy thông tin liên lạc tầm xa VX-1700 tích hợp định vị GPS và thiết bị giám sát hành trình tàu cá; Quyết định 1069/QĐ-CCTS ngày 01/11/2024 ban hành Quy trình lắp đặt, thay thế, tháo gỡ thiết bị giám sát hành trình lắp đặt trên tàu cá; Quyết định số 3304/QĐ-UBND ngày 23/11/2020 của UBND tỉnh Quảng Trị (cũ) về ban hành quy chế quản lý, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu Hệ thống giám sát tàu cá tỉnh Quảng Trị; Quyết định số 2389/QĐ-UBND ngày 19/11/2020 của UBND tỉnh Quảng Trị (cũ) về việc ban hành quy trình xử lý dữ liệu giám sát hành trình đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15m đến dưới 24m mất tín hiệu kết nối, vượt ranh giới cho phép trong quá trình hoạt động trên biển; Quyết định 25/QĐ-CCTS ngày 31/7/2025 ban hành Quy trình lắp đặt, thay thế, tháo gỡ thiết bị giám sát hành trình lắp đặt trên tàu cá; Quyết định số 61/QĐ-CCTSKN ngày 24/02/2026 ban hành Quy trình trực ban, vận hành Hệ thống giám sát tàu cá và Quy trình lắp đặt, thay thế, tháo gỡ thiết bị giám sát hành trình

không báo cáo và không theo quy định (IUU) theo hướng dẫn tại các Thông tư số 21/2018/TT-BNNPTNT, số 01/2022/TT-BNNPTNT và số 81/2025/TT-BNNMT. Trên cơ sở đó, danh sách được gửi đến các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan để tổ chức theo dõi, giám sát, kiểm tra theo chức năng, nhiệm vụ; đồng thời cập nhật lên Hệ thống giám sát tàu cá (VMS) nhằm phục vụ công tác phối hợp quản lý, giám sát giữa các lực lượng chức năng trên phạm vi cả nước.

2.4. Việc cập nhật, quản lý và khai thác dữ liệu tàu cá trên hệ thống cơ sở dữ liệu nghề cá quốc gia (VNFishbase)

Chi cục đã thực hiện việc vận hành, quản lý và khai thác Cơ sở dữ liệu nghề cá quốc gia (VNFishbase) theo quy định; thường xuyên cập nhật, quản trị, rà soát và đối soát dữ liệu tàu cá nhằm bảo đảm tính đầy đủ, chính xác của thông tin. Dữ liệu trên hệ thống được khai thác phục vụ công tác quản lý nhà nước về thủy sản, xử lý vi phạm hành chính, kiểm tra, kiểm soát hoạt động tàu cá và triển khai các nhiệm vụ phục vụ công tác phòng, chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU).

3. Công tác truy xuất nguồn gốc thủy sản

Trong thời kỳ thanh tra (từ năm 2024 đến hết Quý I năm 2026), trên địa bàn tỉnh không có doanh nghiệp thực hiện xuất khẩu sản phẩm thủy sản khai thác sang thị trường châu Âu. Do đó, không phát sinh việc thực hiện xác nhận, chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác cho các tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh phục vụ hoạt động xuất khẩu sang thị trường châu Âu.

4. Công tác thực thi pháp luật

4.1. Việc tuân tra, kiểm tra, kiểm soát

Trong thời kỳ thanh tra, lực lượng kiểm ngư thuộc Chi cục đã tổ chức 66 cuộc tuần tra, kiểm tra, kiểm soát; qua đó phát hiện 74 trường hợp vi phạm các quy định của pháp luật về thủy sản, Cụ thể:

Năm 2024: 32 cuộc, kiểm tra 268 lượt tàu cá, phát hiện 41 trường hợp tàu cá vi phạm; năm 2025: 31 cuộc, kiểm tra 308 lượt tàu cá, phát hiện 30 trường hợp tàu cá vi phạm; Quý I năm 2026: 03 cuộc, kiểm tra 32 lượt tàu cá, phát hiện 03 tàu cá vi phạm.

Các cuộc tuần tra, kiểm tra được triển khai trên cơ sở kế hoạch phê duyệt và thực hiện theo quy định tại Thông tư số 18/2018/TT-BNNPTNT và Thông tư số 30/2025/TT-BNNMT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

4.2. Về việc xử lý vi phạm hành chính

Theo báo cáo của đơn vị, trong giai đoạn từ năm 2024 đến Quý I năm 2026, Chi cục đã lập biên bản vi phạm hành chính và ban hành quyết định xử phạt đối với 166 trường hợp vi phạm⁵, cụ thể: năm 2024 xử phạt 94 trường hợp;

⁵ Xử phạt tàu nội tỉnh: 122 trường hợp vi phạm; xử phạt tàu ngoại tỉnh: 44 trường hợp vi phạm.

năm 2025 xử phạt 65 trường hợp; Quý I năm 2026 xử phạt 07 trường hợp. Tổng số tiền xử phạt vi phạm hành chính là 5,04 tỷ đồng, trong đó năm 2024 là 2,98 tỷ đồng; năm 2025 là 1,64 tỷ đồng; Quý I năm 2026 là 0,42 tỷ đồng.

- Đối với các vụ việc vi phạm hành chính thông thường: không có hồ sơ khép, hồ sơ quá thời hiệu không xử lý.

- Đối với hành vi khai thác hải sản trái phép ở vùng biển nước ngoài, trong thời kỳ thanh tra không phát sinh trường hợp vi phạm.

- Đối với các vi phạm liên quan đến thiết bị giám sát hành trình tàu cá (VMS), Chi cục đã tổ chức xác minh, xử lý đối với 199 tàu cá có dấu hiệu vi phạm. Kết quả xác minh có 77/199 tàu cá vi phạm bị xử phạt vi phạm hành chính, gồm 22 tàu cá vượt ranh giới trên biển và 55 tàu cá mất kết nối thiết bị VMS; khép hồ sơ đối với 122/199 tàu cá không vi phạm, gồm 05 tàu cá có tín hiệu vượt ranh giới và 117 tàu cá mất kết nối thiết bị VMS.

Qua kiểm tra hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính năm 2025, nhận thấy: có 11/65 hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính còn một số thiếu sót như: chưa lưu đầy đủ tài liệu chứng minh việc chấp hành quyết định xử phạt; một số biên bản, quyết định xử phạt chưa bảo đảm thể thức, kỹ thuật trình bày; việc ghi nhận hành vi vi phạm và căn cứ pháp lý trong một số trường hợp chưa chính xác hoặc chưa đầy đủ là thực hiện không đúng theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020) và Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ, Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về công tác văn thư và Nghị định số 42/2019/NĐ-CP ngày 16/5/2019 và Nghị định số 38/2024/NĐ-CP ngày 05/4/2024 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản. (Chi tiết tại Phụ lục 3 kèm theo)

4.3. Về việc khép hồ sơ xử phạt

Trong thời kỳ thanh tra, có 133 hồ sơ được khép, không xử phạt, trong đó Bộ Nông nghiệp và Môi trường⁶ đã kiểm tra ngẫu nhiên 110/133 hồ sơ. Kết quả có 92 hồ sơ/92 tàu cá được khép hồ sơ đúng quy định; có 18 hồ sơ/18 tàu cá (Chi cục thụ lý 17 hồ sơ, Đoàn Biên phòng Lý Hòa thụ lý 01 hồ sơ) có cơ sở khép hồ sơ nhưng chưa đầy đủ tài liệu chứng minh việc tàu cá đã thực hiện báo cáo vị trí về bờ theo quy định.

Theo Báo cáo của Chi cục, đối với 17 hồ sơ thẩm quyền thụ lý của Chi cục được Đoàn kiểm tra của Bộ kiến nghị rà soát, bổ sung, Chi cục đã ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với 01 trường hợp; 16 hồ sơ còn lại đã được hoàn thiện, bổ sung đầy đủ tài liệu theo quy định. Đối với 23 hồ sơ chưa được Đoàn kiểm tra của Bộ kiểm tra, Chi cục thụ lý 18 hồ sơ, trong đó đã ban

⁶ Báo cáo số 1407/BC-BNNMT ngày 10/02/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về kết quả kiểm tra công tác chống khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU) tại các địa phương (tỉnh Quảng Trị)

hành quyết định xử phạt đối với 02 trường hợp, còn lại 16 hồ sơ được khép hồ sơ.

Để tránh trùng lặp với nội dung đã được Đoàn kiểm tra của Bộ thực hiện, Đoàn Thanh tra chỉ kiểm tra đối với 32 hồ sơ thuộc thẩm quyền thụ lý của Chi cục, gồm: 16 hồ sơ đã được Chi cục hoàn thiện, bổ sung theo yêu cầu Đoàn kiểm tra của Bộ và 16 hồ sơ chưa được Đoàn kiểm tra của Bộ kiểm tra. Kết quả kiểm tra cho thấy, có 32 hồ sơ/32 tàu cá được khép hồ sơ đúng quy định.

5. Công tác kiểm tra, kiểm soát tàu cá cập cảng, rời cảng

5.1. Việc kiểm tra tàu cá cập cảng, rời cảng của Văn phòng kiểm soát nghề cá

Trong thời kỳ thanh tra, Văn phòng kiểm soát nghề cá tại các Cảng cá đã thực hiện lập 7.230 Biên bản kiểm tra tàu cá rời cảng, cập cảng⁷ (rời cảng: 3.763 biên bản; cập cảng: 3.467 biên bản).

Đoàn thanh tra đã tiến hành kiểm tra việc thực hiện trách nhiệm kiểm tra, kiểm soát tàu cá cập cảng, rời cảng của Văn phòng kiểm soát nghề cá tại các cảng cá trên địa bàn tỉnh, gồm: Cửa Việt, Bến cá chợ Cửa Việt, Cửa Tùng, Sông Gianh, Nhật Lệ, Mũi Ông, Việt Trung và Chợ Thủy sản - Cầu tàu Quảng Phúc.

Kết quả cho thấy Văn phòng đại diện kiểm soát nghề cá tại các Cảng cá cơ bản đã thực hiện công tác kiểm tra, kiểm soát tàu cá rời cảng, cập cảng bốc dỡ thủy sản theo quy định tại Thông tư số 21/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18/01/2022 và Thông tư số 81/2025/TT-BNNMT ngày 11/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Tuy nhiên, qua thanh tra nhận thấy tại Cảng cá Nhật Lệ có một số tồn tại như sau:

- Có 12 Biên bản kiểm tra của Văn phòng kiểm soát nghề cá được lập trước thời điểm tàu cá cập cảng theo thông tin ghi nhận trong hồ sơ quản lý là thực hiện chưa đúng việc kiểm tra đối với tàu cá cập cảng theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 4 Điều 7 Thông tư số 81/2025/TT-BNNMT ngày 11/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. (Chi tiết Phụ lục 4 kèm theo)

- Có 35 Biên bản kiểm tra của Văn phòng kiểm soát nghề cá được lập với thời gian sau thời điểm lập Phiếu giám sát sản lượng thủy sản bốc dỡ qua cảng là chưa bảo đảm tính logic và trình tự giữa hoạt động kiểm tra tàu cá cập cảng và hoạt động giám sát sản lượng thủy sản bốc dỡ qua cảng quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 7 Thông tư số 81/2025/TT-BNNMT ngày 11/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. (Chi tiết Phụ lục 5 kèm theo)

5.2. Công tác kiểm soát tàu cá cập cảng, rời cảng của các đơn vị Cảng cá

5.2.1. Việc kiểm soát tàu cá cập cảng, rời cảng:

⁷ Cảng cá Cửa Việt: 2.297 biên bản; Bến cá chợ Cửa Việt: 2.264 biên bản; Cửa Tùng: 472 biên bản; Sông Gianh: 463 biên bản; Nhật Lệ: 458 biên bản; Mũi Ông: 394 biên bản; Chợ Thủy sản - Cầu tàu Quảng Phúc: 302 biên bản; Việt Trung: 580 biên bản.

Ban Quản lý Cảng cá và Đăng kiểm tàu cá và các tổ chức Cảng cá tư nhân cơ bản đã thực hiện công tác kiểm soát tàu cá cập cảng, rời cảng theo quy định của pháp luật về thủy sản. Các đơn vị đã duy trì sự phối hợp với Văn phòng kiểm soát nghề cá và lực lượng Biên phòng trong việc kiểm tra, giám sát hoạt động tàu cá cập cảng, rời cảng và thực hiện các quy định về chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU).

Công tác ghi chép, cập nhật, quản lý thông tin tàu cá ra, vào cảng được thực hiện theo các biểu mẫu quy định; hồ sơ, dữ liệu được lưu trữ, quản lý phục vụ công tác theo dõi, kiểm tra, giám sát hoạt động tàu cá.

Kết quả kiểm soát tàu cá cập cảng, rời cảng trong thời kỳ thanh tra. *(Chi tiết Phụ lục 6 đính kèm)*

5.2.2. Việc thu nộp nhật ký, báo cáo khai thác thủy sản:

Công tác thu nhận nhật ký, báo cáo khai thác thủy sản: các đơn vị được kiểm tra cơ bản thực hiện đầy đủ việc thu nhận nhật ký, báo cáo khai thác thủy sản theo quy định.

Việc sử dụng biểu mẫu: các đơn vị sử dụng biểu mẫu nhật ký, báo cáo khai thác thủy sản phù hợp với quy định pháp luật tại từng thời kỳ.

Tuy nhiên, qua kiểm tra hồ sơ cho thấy, đa số nhật ký khai thác thủy sản chưa được thuyền trưởng ký xác nhận (ký nháy) tại từng trang. Việc thực hiện chưa đầy đủ nội dung này làm giảm tính chặt chẽ trong công tác quản lý, lưu trữ hồ sơ, tài liệu và chưa bảo đảm yêu cầu về thể thức quản lý văn bản, tài liệu theo quy định tại Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về công tác văn thư.

Kết quả thu nhận nhật ký, báo cáo khai thác thủy sản trong thời kỳ thanh tra. *(Chi tiết Phụ lục 7 đính kèm)*

5.2.3. Về việc giám sát sản lượng thủy sản bốc dỡ qua cảng:

Các đơn vị cơ bản đã thực hiện công tác giám sát sản lượng thủy sản bốc dỡ qua cảng theo quy định; đã bố trí lực lượng giám sát, mở sổ theo dõi và thực hiện ghi chép, cập nhật số liệu theo các mẫu biểu quy định.

Việc ghi chép, theo dõi sản lượng thủy sản bốc dỡ qua cảng được thực hiện theo Mẫu số 06 Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (được sửa đổi, bổ sung) và Mẫu số 02 Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư số 81/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Tuy nhiên, tại một số Cảng cá vẫn còn tồn tại các thiếu sót trong việc lập và hoàn thiện Phiếu giám sát sản lượng thủy sản bốc dỡ qua cảng (*Biểu mẫu nội bộ do cảng cá xây dựng để phục vụ công tác giám sát*) như: chưa ghi đầy đủ thời gian giám sát, thiếu chữ ký hoặc họ tên người giám sát, thiếu chữ ký xác nhận của chủ tàu hoặc thuyền trưởng. *(Chi tiết Phụ lục 8 đính kèm)*

5.2.4 Việc cập nhật dữ liệu từ nhật ký, báo cáo khai thác vào cơ sở dữ liệu quốc gia (VNFishbase):

Việc cập nhật dữ liệu vào Hệ thống cơ sở dữ liệu nghề cá quốc gia (VNFishbase) cơ bản đã được các đơn vị triển khai thực hiện theo quy định. Tuy nhiên, trong một số thời điểm vẫn còn một số đơn vị chưa thực hiện việc cập nhật dữ liệu đầy đủ, kịp thời theo quy định tại Thông tư số 24/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định việc cập nhật, khai thác và quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về thủy sản (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT)

Đối với Cảng cá Bến cá chợ Cửa Việt, công tác cập nhật dữ liệu được triển khai từ năm 2025, tỷ lệ cập nhật ban đầu chưa đạt yêu cầu nhưng đã từng bước được cải thiện trong Quý I năm 2026. Cảng cá Việt Trung cơ bản thực hiện đầy đủ việc cập nhật dữ liệu nhật ký khai thác, tuy nhiên tỷ lệ cập nhật thông tin tàu cá rời cảng trong năm 2025 chưa đạt yêu cầu. Cảng cá Bến dịch vụ hậu cần nghề cá Mũi Ông có tỷ lệ cập nhật chưa đạt yêu cầu trong phần lớn năm 2025 nhưng đã khắc phục, thực hiện cập nhật đầy đủ trong Quý I năm 2026. *(Chi tiết Phụ lục 9 đính kèm)*

6. Công tác thanh quyết toán chi phí kinh phí hoạt động của Văn phòng kiểm soát nghề cá

Kinh phí được cấp và thực hiện trong năm 2024, 2025 và Quý 1 năm 2026 được tổng hợp như sau:

DVT: VNĐ

STT	Nội dung	Dự toán đầu năm đã thẩm định	Dự toán được sử dụng sau khi điều chỉnh	Dự toán thực hiện trong năm/quý	Chênh lệch trả lại NSNN
		5.878.000.000	6.449.560.000	4.009.424.957	
1	Năm 2024	1.734.000.000	1.965.560.000	1.861.475.679	104.084.321
2	Năm 2025	1.919.000.000	2.259.000.000	2.119.075.619	139.924.381
3	Quý 1 Năm 2026	2.225.000.000	2.225.000.000	28.873.659	

Qua kiểm tra hồ sơ, chứng từ, tài liệu có liên quan nhận thấy, cơ bản việc quản lý, sử dụng nguồn kinh phí đảm bảo theo quy định. Tuy nhiên, qua thanh tra phát hiện một số tồn tại, hạn chế sau:

- Trong hai năm 2024-2025, Văn phòng Kiểm soát nghề cá tại các Cảng cá đã thanh toán tiền nhiên liệu phục vụ hoạt động cano hướng dẫn tàu cập cảng cá chỉ định và tuần tra, kiểm soát tại các cảng cá, tuy nhiên, nhiệm vụ này chưa được quy định cụ thể trong Quy chế làm việc của Văn phòng Kiểm soát nghề cá tại các Cảng cá. Bên cạnh đó, một số hóa đơn mua nhiên liệu được lập chưa kịp thời so với thời điểm sử dụng, làm giảm tính chặt chẽ của hồ sơ thanh toán.

Theo giải trình của Đơn vị đây là hoạt động phục vụ nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách trong công tác chống khai thác IUU theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền, do vậy đơn vị đã bố trí cano nhằm hỗ trợ hướng dẫn tàu vào cảng thực hiện khai báo, đồng thời kết hợp theo dõi, kiểm tra, giám sát tình trạng hoạt động của tàu trong khu vực quản lý, phục vụ công tác chống khai thác IUU. Các hoạt động điều hướng tàu cập cảng quan sát, kiểm tra và kiểm soát tàu cá được thực hiện đồng thời trên cùng phương tiện và cùng hành trình, không tổ chức thành hoạt động tuần tra độc lập.

- Một số hóa đơn điện tử sử dụng để thanh toán chưa thể hiện đầy đủ thông tin của người mua theo quy định như tên đơn vị, mã số thuế. Việc lập hóa đơn như trên chưa bảo đảm quy định về nội dung hóa đơn điện tử theo Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ và các văn bản sửa đổi, bổ sung. Tuy nhiên, các thiếu sót này không làm thay đổi bản chất giao dịch kinh tế, không làm ảnh hưởng đến số tiền thanh toán và nghĩa vụ thuế của các bên liên quan.

- Một số khoản chi từ nguồn kinh phí Ban Chỉ đạo IUU trong hai năm 2024-2025 như điện, nước, dụng cụ vệ sinh, sửa chữa máy tính, máy photocopy và một số chi phí phục vụ hoạt động chung của Chi cục chưa chứng minh được tính chất phục vụ trực tiếp cho nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo IUU.

Theo giải trình của Đơn vị, các Ban Chỉ đạo không có tổ chức bộ máy, tài khoản, con dấu và cơ sở vật chất hoạt động độc lập, việc tổ chức triển khai nhiệm vụ được thực hiện lồng ghép thông qua bộ máy, nhân lực, cơ sở vật chất và điều kiện đảm bảo của Chi cục. Bên cạnh đó, Chi cục là cơ quan thường trực tham mưu giúp việc cho hoạt động của Ban Chỉ đạo. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, một số khoản chi như điện, nước, dụng cụ vệ sinh, sửa chữa máy tính, máy photo và các chi phí vận hành khác được sử dụng đồng thời phục vụ hoạt động chuyên môn chung của Chi cục và hoạt động chỉ đạo, điều hành, tổng hợp báo cáo, theo dõi dữ liệu, kiểm soát nghề cá và triển khai nhiệm vụ chống khai thác IUU,... . Do đặc thù sử dụng chung cơ sở vật chất và chưa có tiêu chí tách riêng chi phí vận hành cho từng nhiệm vụ nên việc xác định tỷ lệ chi trực tiếp cho hoạt động IUU chưa được cụ thể ngay từ đầu. Tuy nhiên đơn vị đã thực hiện phân bổ, thanh toán trên cơ sở mức độ sử dụng thực tế, nhu cầu phục vụ nhiệm vụ và nguyên tắc tiết kiệm, tránh phát sinh chi ngoài nhiệm vụ nhằm hoàn thành nhiệm vụ được giao.

7. Về khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh

Trong thời kỳ thanh tra, có 01 trường hợp khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị (cũ) đối với quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “không thực hiện đúng quy định trong trường hợp thiết bị giám sát hành trình bị hỏng hoặc không truyền được thông tin, dữ liệu từ tàu cá về trung tâm dữ liệu giám sát tàu cá khi tàu đang hoạt động đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét đến dưới 24 mét”. Tuy nhiên, tại buổi đối thoại lần thứ nhất do Tòa án tổ

chức, người khởi kiện xác định quyết định xử phạt được ban hành đúng quy định của pháp luật nên đã tự nguyện rút đơn khởi kiện.

III. KẾT LUẬN

1. Ưu điểm

Qua thanh tra cho thấy, trong thời kỳ thanh tra, các đơn vị được thanh tra đã cơ bản thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực thủy sản và chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU); kịp thời tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, điều hành, hướng dẫn triển khai thực hiện các quy định của pháp luật về thủy sản và chống khai thác IUU trên địa bàn tỉnh.

Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật được thực hiện thông qua nhiều hình thức như tổ chức hội nghị, tập huấn, phát hành tài liệu tuyên truyền, đăng tải tin, bài trên các phương tiện thông tin, góp phần nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật của ngư dân.

Công tác quản lý tàu cá được thực hiện tương đối đồng bộ; việc cấp văn bản chấp thuận đóng mới, cải hoán, mua tàu cá; đăng ký, xóa đăng ký, cấp giấy phép khai thác thủy sản, cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá, giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm cơ bản bảo đảm đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định.

Việc quản lý tàu cá không đủ điều kiện hoạt động được thực hiện chặt chẽ; các tàu cá thuộc diện không đủ điều kiện được lập danh sách quản lý, niêm phong, giám sát và phối hợp kiểm soát, không để xuất bến hoạt động khai thác trái quy định.

Công tác lắp đặt, quản lý và giám sát thiết bị giám sát hành trình (VMS) được triển khai nghiêm túc, đạt tỷ lệ lắp đặt cao; hệ thống được tổ chức trực vận hành liên tục, thực hiện theo dõi, giám sát, cảnh báo, rà soát tàu cá có nguy cơ vi phạm và chia sẻ thông tin với các lực lượng chức năng theo quy định.

Công tác phối hợp giữa các đơn vị (Chi cục, Bộ đội Biên phòng, UBND cấp xã, đơn vị Cảng cá) được duy trì thường xuyên; kịp thời phát hiện, xác minh và xử lý các hành vi vi phạm trong hoạt động khai thác thủy sản được thực hiện theo quy định.

Công tác tuần tra, kiểm tra, kiểm soát được triển khai thường xuyên; việc kiểm tra, kiểm soát tàu cá cập cảng, rời cảng; thu nhận nhật ký khai thác, giám sát sản lượng thủy sản bốc dỡ qua cảng và cập nhật dữ liệu lên Hệ thống VNFishbase cơ bản được thực hiện theo quy định.

Việc quản lý, sử dụng kinh phí phục vụ hoạt động của Văn phòng kiểm soát nghề cá nhìn chung bảo đảm đúng mục đích, đúng chế độ, không phát hiện việc thất thoát ngân sách nhà nước.

2. Tồn tại, hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được, qua thanh tra cho thấy vẫn còn một số tồn tại, hạn chế sau:

2.1. Công tác xây dựng kế hoạch kiểm tra chưa được thực hiện đầy đủ tại một số đơn vị

Văn phòng kiểm soát nghề cá chưa xây dựng, ban hành kế hoạch kiểm tra tàu cá cập cảng, rời cảng hằng năm. Trách nhiệm thuộc về Chánh Văn phòng kiểm soát nghề cá.

Ban Quản lý Cảng cá và Đăng kiểm tàu cá chưa xây dựng, ban hành Kế hoạch kiểm tra việc thực hiện các quy định về chống khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU) đối với các Cảng cá trực thuộc quản lý. Trách nhiệm thuộc về Giám đốc Ban Quản lý Cảng cá và Đăng kiểm tàu cá.

2.2. Chất lượng lập và lưu trữ hồ sơ hành chính trong lĩnh vực quản lý tàu cá còn thiếu sót

Việc lập, hoàn thiện và lưu trữ hồ sơ trong một số lĩnh vực còn thiếu sót như hồ sơ đăng ký tàu cá, xóa đăng ký tàu cá. Trách nhiệm thuộc về phòng chuyên môn thuộc Chi cục được giao tiếp nhận, thẩm định hồ sơ.

Đa số Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá chưa được kê khai đầy đủ thông tin theo mẫu quy định, còn thiếu các nội dung như số căn cước công dân và số điện thoại liên hệ của người đề nghị. Trách nhiệm thuộc về Trưởng bộ phận chuyên môn thuộc Ban quản lý Cảng cá và Đăng kiểm tàu cá tỉnh được giao tiếp nhận, giải quyết hồ sơ đăng kiểm tàu cá.

2.3. Công tác lập hồ sơ xử lý vi phạm hành chính còn một số thiếu sót

Một số hồ sơ xử phạt chưa lưu đầy đủ tài liệu chứng minh việc chấp hành quyết định xử phạt; thể thức văn bản, việc xác định hành vi vi phạm và viện dẫn căn cứ pháp lý trong một số trường hợp chưa chính xác hoặc chưa đầy đủ theo quy định. Trách nhiệm thuộc về công chức được giao tham mưu lập hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính, Trưởng Phòng chuyên môn thuộc Chi cục được giao phụ trách kiểm tra, thẩm định hồ sơ trước khi trình ban hành quyết định xử phạt.

2.4. Công tác kiểm tra tàu cá cập cảng tại Cảng cá còn chưa bảo đảm đúng trình tự nghiệp vụ

Tại Cảng cá Nhật Lệ: việc lập biên bản kiểm tra trước thời điểm tàu cá cập cảng hoặc sau thời điểm lập Phiếu giám sát sản lượng, chưa bảo đảm tính logic của trình tự kiểm tra theo quy định. Trách nhiệm thuộc về công chức/viên chức của Văn phòng kiểm soát nghề cá được giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ kiểm tra tàu cá cập cảng, rời cảng.

2.5. Việc lập, quản lý hồ sơ tại các Cảng cá còn thiếu sót

Nhiều nhật ký khai thác thủy sản chưa được thuyền trưởng ký xác nhận tại từng trang; một số Phiếu giám sát sản lượng thủy sản bốc dỡ qua cảng chưa ghi đầy đủ thời gian giám sát, thiếu chữ ký của người giám sát hoặc chủ tàu, thuyền

trưởng. Trách nhiệm thuộc về Cảng trưởng/người đứng đầu tổ chức Cảng cá tư nhân và các cá nhân được phân công tiếp nhận nhật ký khai thác, giám sát sản lượng thủy sản bốc dỡ qua cảng.

2.6. Việc cập nhật dữ liệu trên Hệ thống VNFishbase

Việc cập nhật dữ liệu trên Hệ thống VNFishbase tại một số Cảng cá tư nhân còn chưa kịp thời, thiếu đồng bộ; trong một số thời điểm, tỷ lệ cập nhật dữ liệu nhật ký khai thác và thông tin tàu cá xuất, nhập cảng còn thấp, ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý và khai thác cơ sở dữ liệu nghề cá. Trách nhiệm thuộc về người đứng đầu tổ chức Cảng cá tư nhân.

2.7. Công tác quản lý tài chính

Việc lập hồ sơ, chứng từ thanh toán: chi tiền nhiên liệu phục vụ hoạt động cano hướng dẫn tàu cập cảng cá chỉ định và tuần tra, kiểm soát tại các cảng cá chưa được quy định cụ thể trong quy chế hoạt động của Văn phòng Kiểm soát nghề cá tại các cảng cá; một số hóa đơn điện tử chưa thể hiện đầy đủ thông tin theo quy định; một số khoản chi từ nguồn kinh phí Ban Chỉ đạo IUU chưa chứng minh đầy đủ mối liên hệ trực tiếp với nhiệm vụ được giao, dẫn đến hồ sơ thanh toán chưa thật sự chặt chẽ.

Đối với khoản thanh toán tiền nhiên liệu phục vụ hoạt động cano hướng dẫn tàu cập cảng cá chỉ định và tuần tra, kiểm soát tại các cảng cá, qua xem xét nội dung giải trình của đơn vị, nhận thấy khoản chi này thực tế đã được thực hiện nhằm phục vụ nhiệm vụ quản lý nhà nước cấp bách về chống khai thác IUU, hồ sơ, chứng từ cơ bản được lập, lưu trữ và có căn cứ chứng minh nội dung chi, không phát hiện việc chi sai đối tượng, chi vượt chế độ, tiêu chuẩn, định mức, tuy nhiên nhiệm vụ này chưa được quy định trong Quy chế hoạt động của Văn phòng Kiểm soát nghề cá. Đây là hạn chế trong công tác quản lý của Văn phòng kiểm soát nghề cá, cần được rút kinh nghiệm và sớm rà soát, bổ sung Quy chế hoạt động nhằm bảo đảm thống nhất giữa nhiệm vụ thực tế được giao và quy chế hoạt động của Văn phòng.

Trách nhiệm thuộc về Chánh văn phòng Kiểm soát nghề cá, bộ phận tham mưu về tài chính, kế toán và các cá nhân có liên quan trong quá trình lập dự toán, kiểm tra hồ sơ, tham mưu thanh toán.

3. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế

3.1. Nguyên nhân khách quan

Công tác chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU) là nhiệm vụ có phạm vi rộng, yêu cầu cao; hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về thủy sản và chống khai thác IUU có nhiều sửa đổi, bổ sung; biểu mẫu, quy trình nghiệp vụ thay đổi, dẫn đến trong quá trình tổ chức thực hiện còn có lúng túng, chưa kịp thời cập nhật đầy đủ ở một số nội dung nghiệp vụ.

Khối lượng công việc phát sinh lớn, số lượng tàu cá, hồ sơ hành chính, hồ sơ kiểm tra, xử lý vi phạm, kiểm soát tàu cá cập cảng, rời cảng và cập nhật dữ

liệu trên Hệ thống VNFishbase nhiều, trong khi biên chế, nguồn nhân lực thực hiện nhiệm vụ còn hạn chế, phải đồng thời thực hiện nhiều nhiệm vụ chuyên môn khác.

3.2. Nguyên nhân chủ quan

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra nội bộ của đơn vị đối với một số nhiệm vụ chưa thường xuyên, chưa sâu sát; việc tự kiểm tra, rà soát hồ sơ trước khi ban hành hoặc lưu trữ chưa được thực hiện đầy đủ, dẫn đến còn xảy ra thiếu sót về thành phần hồ sơ, biểu mẫu, chữ ký, thông tin và thể thức văn bản.

Việc tham mưu xây dựng kế hoạch kiểm tra hằng năm đối với một số nhiệm vụ thuộc chức năng được giao chưa được quan tâm đúng mức, chưa bảo đảm đầy đủ yêu cầu về quản lý, điều hành theo quy định.

Một bộ phận công chức, viên chức trong quá trình thực hiện nhiệm vụ chưa thực hiện đầy đủ các quy định về lập, kiểm tra, hoàn thiện và lưu trữ hồ sơ; còn chủ quan đối với các nội dung mang tính thủ tục hành chính, dẫn đến hồ sơ còn thiếu thông tin, thiếu tài liệu hoặc chưa bảo đảm đầy đủ trình tự, thể thức theo quy định.

Công tác hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghiệp vụ tại các Văn phòng kiểm soát nghề cá và các Cảng cá chưa thường xuyên; việc phát hiện, chấn chỉnh các sai sót trong quá trình lập biên bản, giám sát sản lượng, thu nhận nhật ký khai thác và cập nhật dữ liệu lên hệ thống VNFishbase có thời điểm chưa kịp thời.

Công tác quản lý tài chính tuy cơ bản bảo đảm đúng mục đích sử dụng nhưng việc xây dựng dự toán, quy chế nội bộ, quản lý chứng từ và xác định nội dung chi phục vụ riêng cho nhiệm vụ chống khai thác IUU chưa thật chặt chẽ; việc kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ của chứng từ thanh toán trước khi quyết toán chưa được thực hiện đầy đủ.

IV. CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ THEO THẨM QUYỀN ĐÃ ÁP DỤNG

Không.

V. KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ

1. Về kinh tế: Không.

2. Về hành chính

2.1. Đối với Chi cục Thủy sản và Kiểm ngư

- Yêu cầu Chi cục Thủy sản và Kiểm ngư tổ chức kiểm điểm rút kinh nghiệm đối với các tập thể, cá nhân có liên quan đến những tồn tại, hạn chế đã nêu tại Mục 2.2 và 2.3 Phần III Kết luận này.

- Chỉ đạo các Phòng chuyên môn rà soát toàn bộ hồ sơ đăng ký tàu cá, hồ sơ xóa đăng ký tàu cá đã giải quyết; bổ sung, hoàn thiện các thành phần hồ sơ còn thiếu, bảo đảm việc tiếp nhận, thẩm định, giải quyết và lưu trữ hồ sơ thực hiện đúng quy định. 

- Tổ chức rà soát các hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính đã ban hành; kịp thời khắc phục các thiếu sót về thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản, thành phần hồ sơ, căn cứ pháp lý và nội dung xác định hành vi vi phạm; bảo đảm việc lập hồ sơ, tham mưu xử phạt vi phạm hành chính đúng quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2.2. Đối với Văn phòng Kiểm soát nghề cá

- Yêu cầu Văn phòng Kiểm soát nghề cá tổ chức kiểm điểm rút kinh nghiệm đối với các tập thể, cá nhân có liên quan đến các tồn tại, hạn chế đã nêu tại Mục 2.1, 2.4 và 2.7 Phần III Kết luận này.

- Tổ chức rà soát, chấn chỉnh quy trình kiểm tra tàu cá cập cảng, rời cảng; thực hiện nghiêm trình tự, thủ tục kiểm tra theo quy định.

- Ban hành Kế hoạch kiểm tra tàu cá cập cảng, rời cảng hằng năm theo đúng chức năng, nhiệm vụ được giao; bảo đảm công tác kiểm tra, kiểm soát tàu cá được thực hiện chủ động, có trọng tâm, trọng điểm và phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.

- Rà soát toàn bộ các quy chế, quy định nội bộ liên quan đến tổ chức và hoạt động của Văn phòng Kiểm soát nghề cá; kịp thời sửa đổi, bổ sung các nội dung còn thiếu hoặc chưa phù hợp, trong đó quy định rõ nhiệm vụ, nội dung chi và cơ chế quản lý, sử dụng kinh phí phục vụ công tác chống khai thác IUU.

2.3. Đối với Ban Quản lý Cảng cá và Đăng kiểm tàu cá

- Yêu cầu Ban Quản lý Cảng cá và Đăng kiểm tàu cá tổ chức kiểm điểm rút kinh nghiệm đối với các tập thể, cá nhân có liên quan đến những tồn tại, hạn chế đã nêu tại Mục 2.1, 2.2 và 2.5 Phần III Kết luận này.

- Ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch kiểm tra hàng năm; tăng cường kiểm tra, giám sát, theo dõi, đôn đốc các đơn vị trực thuộc trong việc thực hiện nhiệm vụ chống khai thác IUU.

- Chỉ đạo bộ phận chuyên môn rà soát, chấn chỉnh quy trình tiếp nhận, giải quyết hồ sơ đăng kiểm tàu cá; hướng dẫn tổ chức, cá nhân kê khai đầy đủ hồ sơ, tăng cường kiểm tra thành phần, nội dung hồ sơ, bảo đảm đúng quy định.

- Chỉ đạo các Cảng trưởng rà soát, chấn chỉnh công tác tiếp nhận nhật ký khai thác thủy sản, giám sát sản lượng thủy sản bốc dỡ qua cảng; thực hiện đầy đủ việc kiểm tra, hướng dẫn thuyền trưởng ký xác nhận theo quy định và tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ của bộ phận chuyên môn.

2.4. Đối với các tổ chức Cảng cá tư nhân

- Yêu cầu các tổ chức Cảng cá: Bến cá chợ Cửa Việt, Việt Trung, Chợ thủy sản - Cầu tàu Quảng Phúc và Bến dịch vụ hậu cần nghề cá Mũi Ông tổ chức kiểm điểm rút kinh nghiệm đối với các tập thể, cá nhân có liên quan đến những tồn tại, hạn chế đã nêu tại Mục 2.5 và 2.6 Phần III Kết luận này.

- Yêu cầu người đứng đầu các tổ chức Cảng cá:

Tăng cường kiểm tra, giám sát việc tiếp nhận, quản lý, lưu trữ nhật ký khai thác thủy sản; thực hiện đầy đủ việc kiểm tra, hướng dẫn thuyền trưởng ký xác nhận theo quy định.

Rà soát, chấn chỉnh việc lập, quản lý hồ sơ giám sát sản lượng thủy sản bốc dỡ qua cảng, bảo đảm đầy đủ thông tin, chữ ký và tính pháp lý của hồ sơ.

Thực hiện nghiêm việc cập nhật đầy đủ, kịp thời dữ liệu tàu cá cập cảng, rời cảng, nhật ký khai thác và báo cáo khai thác thủy sản trên Hệ thống cơ sở dữ liệu nghề cá quốc gia (VNFishbase) theo quy định.

3. Kiến nghị khác

3.1. Đề nghị Ban Chỉ đạo chống khai thác IUU tỉnh

- Chỉ đạo các cơ quan thành viên tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ chống khai thác IUU; kịp thời phát hiện, chấn chỉnh và khắc phục các tồn tại, hạn chế phát sinh trong quá trình thực hiện.

- Chỉ đạo rà soát, chấn chỉnh công tác quản lý, sử dụng kinh phí bảo đảm đúng quy định, đúng mục đích; tăng cường kiểm tra việc lập dự toán, quản lý hồ sơ, chứng từ thanh toán, bảo đảm đầy đủ căn cứ pháp lý và nội dung chi theo quy định.

- Chỉ đạo rà soát, cân đối và bố trí đầy đủ nhân lực, trang thiết bị và phương tiện phục vụ công tác quản lý, kiểm soát hoạt động khai thác thủy sản và phòng, chống khai thác IUU, đáp ứng yêu cầu thực hiện các khuyến nghị của Ủy ban châu Âu (EC).

3.2. Đề nghị Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Chỉ đạo Chi cục Thủy sản và Kiểm ngư, Ban Quản lý Cảng cá và Đăng kiểm tàu cá, Văn phòng Kiểm soát nghề cá, cùng các tổ chức Cảng cá có liên quan nghiêm túc thực hiện các kiến nghị của Kết luận thanh tra.

- Chỉ đạo rà soát các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo, điều hành, Quy chế phối hợp trong lĩnh vực thủy sản và chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU); kịp thời tham mưu sửa đổi, bổ sung⁸ hoặc bãi bỏ các quy định không còn phù hợp, bảo đảm thống nhất, đồng bộ với quy định của pháp luật hiện hành.

- Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc tăng cường công tác kiểm tra chuyên ngành, kiểm tra nội bộ đối với các đơn vị trực thuộc; giám sát, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ chống khai thác IUU; kịp thời chấn chỉnh và khắc phục các tồn tại, hạn chế, sai sót được chỉ ra qua thanh tra.

- Chỉ đạo thực hiện rà soát, bố trí đầy đủ nguồn nhân lực, trang thiết bị, kinh phí phục vụ công tác quản lý nghề cá, chống khai thác IUU và vận hành

⁸ Quy chế phối hợp ban hành kèm theo Quyết định số 2381/QĐ-UBND ngày 03/11/2025 của UBND tỉnh Quảng Trị về quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu giám sát hành trình tàu cá: chưa quy định cụ thể về đơn vị chủ trì xử lý đối với trường hợp tàu cá neo đậu tại bờ mất tính hiệu VMS.

các hệ thống thông tin phục vụ quản lý tàu cá, bảo đảm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

3.3. Đề nghị Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh

Tiếp tục chỉ đạo các đơn vị trực thuộc phối hợp chặt chẽ với Chi cục Thủy sản và Kiểm ngư, Ban Quản lý Cảng cá và Đăng kiểm tàu cá, các Cảng cá tư nhân, chính quyền cấp xã trong quản lý, kiểm soát tàu cá xuất, nhập bến; kiên quyết không cho tàu cá không đủ điều kiện theo quy định xuất bến hoạt động khai thác thủy sản.

4. Công khai kết luận thanh tra, tổ chức thực hiện và báo cáo kết quả thực hiện Kết luận thanh tra

Thanh tra tỉnh tổ chức công khai Kết luận thanh tra, thông qua hình thức: đăng tải trên Trang thông tin điện tử của cơ quan Thanh tra tỉnh theo đúng quy định tại điểm b khoản 3 Điều 37 Luật Thanh tra năm 2025.

Các cơ quan, đơn vị là đối tượng thanh tra theo Quyết định Thanh tra số 94/QĐ-TTr niêm yết Kết luận thanh tra tại trụ sở làm việc theo đúng quy định tại điểm d khoản 3 Điều 37 Luật Thanh tra năm 2025.

Đề nghị Sở Nông nghiệp và Môi trường chỉ đạo các cơ quan, đơn vị là đối tượng thanh tra theo Quyết định thanh tra số 94/QĐ-TTr ngày 24/3/2026 của Chánh Thanh tra tỉnh thực hiện nghiêm kết luận thanh tra; báo cáo bằng văn bản kết quả thực hiện về Thanh tra tỉnh trước ngày 20/8/2026.

Trên đây là Kết luận thanh tra về trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong công tác chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU) trên địa bàn tỉnh./.

Nơi nhận:

- Thanh tra Chính phủ (báo cáo);
- Cục II, Thanh tra Chính phủ (báo cáo);
- Chủ tịch UBND tỉnh (báo cáo);
- Ban Nội chính tỉnh; UBKT Tỉnh ủy (báo cáo);
- Lãnh đạo Thanh tra tỉnh;
- Ban Chỉ đạo chống khai thác IUU tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh;
- Chi cục Thủy sản và Kiểm ngư (thực hiện);
- Văn phòng kiểm soát nghề cá (thực hiện);
- Ban quản lý Cảng cá và Đăng kiểm tàu cá (thực hiện);
- Các Cảng cá: Bến cá chợ Cửa Việt, Việt Trung, Chợ Thủy sản - Cầu tàu Quảng Phúc, Bến dịch vụ hậu cần nghề cá Mũi Ông (thực hiện);
- Phòng Nghiệp Vụ 2, Thanh tra tỉnh;
- Trang thông tin điện tử Thanh tra tỉnh;
- Lưu: HS ĐTTr, VT.

CHÁNH THANH TRA



Nguyễn Hoài Nam



Phụ lục 1

Tổng hợp Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá; đăng ký tạm thời tàu cá

(Kèm theo Kết luận thanh tra số 2039/KL-TTr ngày 24/.7./2026 của Thanh tra tỉnh)

STT	Chủ phương tiện	Số đăng ký	Địa chỉ	Ngày cấp	Lmax (mét)	Không ghi một số thông tin trên Tờ khai
1	Nguyễn Quang Thành	QB-33523-TS	Xã Phú Trạch	25/07/2024	8	Chưa được đại diện chủ tàu ký và ghi rõ họ tên
2	Bùi Thị Phương Thảo	QB-80462-TS	Phường Bắc Gianh	22/07/2024	11	Chưa được đại diện chủ tàu ký và ghi rõ họ tên
3	Đồng Sỹ Hùng	QT-33512-TS	Xã Hòa Trạch	24/11/2025	13,30	Không ghi ngày tháng vào tờ khai
4	Hoàng Văn Thành	QB-80479-TS	Phường Bắc Gianh	22/07/2024	11,00	Không ghi ngày tháng vào tờ khai
5	Hoàng Văn Giáo	QB-88088-TS	Xã Nam Gianh	03/07/2024	10,50	Không ghi ngày tháng vào tờ khai
6	Hoàng Văn Nhàn	QB-80222-TS	Xã Nam Gianh	03/07/2024	11,00	Không ghi ngày tháng vào tờ khai
7	Nguyễn Văn Sinh	QB-80185-TS	Xã Nam Gianh	03/07/2024	9,00	Không ghi ngày tháng vào tờ khai

anh



Phụ lục 2

Tổng hợp Danh sách xóa đăng ký tàu cá

(Kèm theo Kết luận thanh tra số 2039/KL-TTr ngày 24.7.2026 của Thanh tra tỉnh)

STT	Số đăng ký tàu	Lý do xóa đăng ký	Không ghi các thông tin trên GIẤY CN XÓA ĐKTC	Không ghi các thông tin trên TỜ KHAI XÓA ĐKTC
1	QB-93915-TS	Giải bản	Không ghi mục: Số GCNĐK, nơi đăng ký, ngày ĐKTC trước khi Đăng ký xóa; Ngày có hiệu lực xóa ĐKTC	Không ghi mục: Đề nghị xóa ĐKTC kể từ ngày; Ngày đăng ký, Nơi đăng ký, Cơ quan đăng ký
2	QB-33640-TS	Giải bản	Không ghi mục: Số GCNĐK, ngày ĐKTC trước khi Đăng ký xóa; Ngày có hiệu lực xóa ĐKTC	Không ghi mục: Đề nghị xóa ĐKTC kể từ ngày; Ngày đăng ký, Nơi đăng ký
3	QB-93454-TS	Giải bản	Không ghi mục: Số GCNĐK, nơi đăng ký, ngày ĐKTC trước khi Đăng ký xóa; Ngày có hiệu lực xóa ĐKTC	Không ghi mục: Nơi đăng ký
4	QB-93048-TS	Giải bản	Không ghi mục: Số GCNĐK, nơi đăng ký, ngày ĐKTC trước khi Đăng ký xóa; Ngày có hiệu lực xóa ĐKTC	Không ghi mục: Đề nghị xóa ĐKTC kể từ ngày; Ngày đăng ký, Nơi đăng ký, Cơ quan đăng ký
5	QB-93196-TS	Giải bản	Không ghi mục: Số GCNĐK, nơi đăng ký, ngày ĐKTC trước khi Đăng ký xóa; Ngày có hiệu lực xóa ĐKTC	Không ghi mục: Đề nghị xóa ĐKTC kể từ ngày; Ngày đăng ký, Nơi đăng ký, Cơ quan đăng ký
6	QB-33315-TS	Giải bản	Không ghi mục: Số GCNĐK, nơi đăng ký, ngày ĐKTC trước khi Đăng ký xóa; Ngày có hiệu lực xóa ĐKTC	Không ghi mục: Đề nghị xóa ĐKTC kể từ ngày; Ngày đăng ký, Cơ quan đăng ký
7	QB-98526-TS	Giải bản	Không ghi mục: Số GCNĐK, nơi đăng ký, ngày ĐKTC trước khi Đăng ký xóa	Không ghi mục: Đề nghị xóa ĐKTC kể từ ngày; Ngày đăng ký, Nơi đăng ký, Cơ quan đăng ký
8	QB-3523-TS	Giải bản	Không ghi mục: Số GCNĐK, nơi đăng ký, ngày ĐKTC trước khi Đăng ký xóa	Không ghi mục: Chủ sở hữu; Ngày đăng ký, Nơi đăng ký, Cơ quan đăng ký
9	QB-80106-TS	Giải bản, không còn tàu	Không ghi mục: Số GCNĐK, ngày ĐKTC trước khi Đăng ký xóa	Không có hồ sơ Tờ khai Xóa ĐKTC
10	QB-80223-TS	Giải bản, không còn tàu	Không ghi mục: Số GCNĐK, ngày ĐKTC trước khi Đăng ký xóa	Không có hồ sơ Tờ khai Xóa ĐKTC
11	QB-80368-TS	Giải bản, không còn tàu	Không ghi mục: Số GCNĐK, nơi đăng ký, ngày ĐKTC trước khi Đăng ký xóa	Không có hồ sơ Tờ khai Xóa ĐKTC
12	QB-80585-TS	Giải bản, không còn tàu	Không ghi mục: Số GCNĐK, ngày ĐKTC trước khi Đăng ký xóa	Không có hồ sơ Tờ khai Xóa ĐKTC
13	QB-88893-TS	Giải bản, không còn tàu	Không ghi mục: Số GCNĐK, ngày ĐKTC trước khi Đăng ký xóa	Không có hồ sơ Tờ khai Xóa ĐKTC



chmlh

14	QB-85014-TS	Giải bản, không còn tàu	Không ghi mục: Số GCNĐK, ngày ĐKTC trước khi Đăng ký xóa	Không có hồ sơ Tờ khai Xóa ĐKTC
15	QB-85016-TS	Giải bản, không còn tàu	Không ghi mục: Số GCNĐK, ngày ĐKTC trước khi Đăng ký xóa	Không có hồ sơ Tờ khai Xóa ĐKTC
16	QB-88620-TS	Giải bản, không còn tàu	Không ghi mục: Số GCNĐK, ngày ĐKTC trước khi Đăng ký xóa	Không có hồ sơ Tờ khai Xóa ĐKTC
17	QB-88621-TS	Giải bản, không còn tàu	Không ghi mục: Số GCNĐK, ngày ĐKTC trước khi Đăng ký xóa	Không có hồ sơ Tờ khai Xóa ĐKTC
18	QB-88648-TS	Giải bản, không còn tàu	Không ghi mục: Số GCNĐK, ngày ĐKTC trước khi Đăng ký xóa	Không có hồ sơ Tờ khai Xóa ĐKTC
19	QB-88692-TS	Giải bản, không còn tàu	Không ghi mục: Số GCNĐK, ngày ĐKTC trước khi Đăng ký xóa	Không có hồ sơ Tờ khai Xóa ĐKTC
20	QB-88694-TS	Giải bản, không còn tàu	Không ghi mục: Số GCNĐK, ngày ĐKTC trước khi Đăng ký xóa	Không có hồ sơ Tờ khai Xóa ĐKTC
21	QB-33940-TS	Giải bản	Không ghi mục: Số GCNĐK, nơi đăng ký, ngày ĐKTC trước khi Đăng ký xóa	Không ghi mục: Ngày đăng ký, Cơ quan đăng ký
22	QB-11246-TS	Giải bản	Không ghi mục: Số GCNĐK	Không ghi mục: Đề nghị xóa ĐKTC kể từ ngày
23	QB-20071-TS	Tàu chìm	Không ghi mục: Số GCNĐK, nơi đăng ký, ngày ĐKTC trước khi Đăng ký xóa	Không ghi mục: Đề nghị xóa ĐKTC kể từ ngày; Ngày đăng ký
24	QB-91236-TS	Bán Quảng Ngãi	Không ghi mục: Ngày có hiệu lực xóa ĐKTC	Không ghi mục: Đề nghị xóa ĐKTC kể từ ngày
25	QB-98932-TS	Bán tàu trong tỉnh	Không ghi mục: Ngày có hiệu lực xóa ĐKTC	Không ghi mục: Ngày có hiệu lực xóa ĐKTC
26	QB-98251-TS	Bán tàu trong tỉnh	Không ghi mục: Ngày có hiệu lực xóa ĐKTC	Không ghi mục: Ngày có hiệu lực xóa ĐKTC; Ngày đăng ký
27	QB-92410-TS	Bán tàu trong tỉnh	Không ghi mục: Ngày có hiệu lực xóa ĐKTC	Không ghi mục: Đề nghị xóa ĐKTC kể từ ngày
28	QB-98165-TS	Bán tàu trong tỉnh	Không ghi mục: Ngày có hiệu lực xóa ĐKTC	Không ghi mục: Nơi đăng ký
29	QB-92044-TS	Bán tàu trong tỉnh	Không ghi mục: Ngày có hiệu lực xóa ĐKTC	Không ghi mục: Đề nghị xóa ĐKTC kể từ ngày
30	QB-98384-TS	Bán tàu trong tỉnh	Không ghi mục: Ngày có hiệu lực xóa ĐKTC	Không ghi mục: Đề nghị xóa ĐKTC kể từ ngày
31	QB-11393-TS	Bán tàu trong	Không ghi mục: Ngày có hiệu lực xóa ĐKTC	Không ghi mục: Đề nghị xóa ĐKTC kể từ ngày

		tỉnh		
32	QB-98280-TS	Bán tàu trong tỉnh	Không ghi mục: Ngày có hiệu lực xóa ĐKTC	Không có hồ sơ Tờ khai Xóa ĐKTC
33	QB-92375-TS	Bán tàu trong tỉnh	Không ghi mục: Ngày có hiệu lực xóa ĐKTC	Không có hồ sơ Tờ khai Xóa ĐKTC
34	QB-11462-TS	Bán tàu trong tỉnh	Không ghi mục: Ngày có hiệu lực xóa ĐKTC	Không ghi mục: Đề nghị xóa ĐKTC kể từ ngày
35	QB-98496-TS	Giải bản	Không ghi mục: Ngày có hiệu lực xóa ĐKTC	Không ghi mục: Đề nghị xóa ĐKTC kể từ ngày
36	QB-33109-TS	Giải bản	Không ghi mục: Ngày có hiệu lực xóa ĐKTC	Không ghi mục: Đề nghị xóa ĐKTC kể từ ngày
37	QB-93758-TS	Bán tàu trong tỉnh	Không ghi mục: Ngày có hiệu lực xóa ĐKTC	Không có hồ sơ Tờ khai Xóa ĐKTC
38	QB-92825-TS	Bán tàu trong tỉnh	Không ghi mục: Ngày có hiệu lực xóa ĐKTC	Không có hồ sơ Tờ khai Xóa ĐKTC
39	QB-93762-TS	Bán tàu trong tỉnh	Không ghi mục: Ngày có hiệu lực xóa ĐKTC	
40	QB-11112-TS	Bán tàu trong tỉnh	Không ghi mục: Ngày có hiệu lực xóa ĐKTC	Không có hồ sơ Tờ khai Xóa ĐKTC



chủ



Phụ lục 3
Tổng hợp Hồ sơ xử phạt

(Kèm theo Kết luận thanh tra số 2039/KL-TTr ngày 24/7/2026 của Thanh tra tỉnh)

STT	Chủ tàu cá vi phạm	Số đăng ký tàu cá	Thời gian ban hành quyết định xử phạt	Nội dung thiếu sót trong hồ sơ xử phạt
1.	Nguyễn Đăng Hoá	QB-92563-TS	07/11/2025	- Tờ trình đề nghị xử phạt của Trạm Thủy sản và Kiểm ngư Bắc không ghi ngày tháng - Quyết định xử phạt bản phô tô không có dấu giáp liên, không có trang người nhận ký nhận QĐ - Biên bản làm việc 15h50 phút ngày 21/10/2025 trang người nhận biên bản không ghi ngày tháng năm nhận - Chưa lưu tài liệu chứng minh đã chấp hành quyết định xử phạt (biên lai nộp tiền phạt)
2.	Nguyễn Xuân	QB-98146-TS	26/12/2025	- Cách ghi hành vi chưa đúng: hồ sơ (quyết định XP, BBVPHC) ghi “quy định tại Điểm a, Khoản 3, Điều 9 sửa đổi bổ sung Điều 35 Nghị định số 301/2025/NĐ-CP... sửa đổi bổ sung một số điều Nghị định 38”. - Cách ghi đúng: quy định tại điểm a khoản 3 Điều 35 Nghị định số 38/2024/NĐ-CP ngày 05/4/2024, được sửa đổi bổ sung tại Điều 9 Nghị định số 301/2025/NĐ-CP ngày 17/11/2025 - Chưa lưu tài liệu chứng minh đã chấp hành qđ xử phạt (biên lai nộp tiền phạt)
3.	Trần Công Tiến	QB-91188-TS	30/10/2025	- QĐ xử phạt không đóng dấu giáp liên, không có ký nhận của người vi phạm
4.	Trần Văn Thảo	QB-91939-TS	25/3/2025	- QĐXP nhiều trang nhưng không đóng dấu giáp liên - Biên bản làm việc số 01/BB-LV ngày 04/3/2024 (ghi sai năm,



chml

				đúng là 04/3/2025)
5.	Nguyễn Văn Tuấn	QB-92027-TS	04/11/2025	- Tờ trình đề nghị xử phạt của Trạm Thủy sản và Kiểm ngư Bắc không ghi ngày tháng - Quyết định xử phạt ghi sai “năm” trích dẫn (ghi “Nghị định số 42/2024/NĐ-CP”). Năm ban hành Nghị định số 42/2019/NĐ-CP là 2019. - Biên bản vi phạm hành chính, Biên bản làm việc nhiều tờ nhưng không ký từng trang, người nhận biên bản ký nhận nhưng không ghi ngày nhận - Chưa lưu tài liệu chứng minh đã chấp hành quyết định xử phạt (biên lai nộp tiền phạt)
6.	Phạm Minh Hùng	QB-92662-TS	04/11/2025	- Tờ trình đề nghị xử phạt của Trạm Thủy sản và Kiểm ngư Bắc không ghi ngày tháng - Biên bản làm việc ngày 21/10/2025 do Trạm Thủy sản và Kiểm ngư Bắc lập là văn bản nhiều tờ nhưng không có ký từng trang - Chưa lưu tài liệu chứng minh đã chấp hành quyết định xử phạt (biên lai nộp tiền phạt)
7.	Phạm Văn Tính	QB-93232-TS	31/10/2025	- Việc xác định hành vi đúng nhưng cách ghi nội dung hành vi chưa đúng, cụ thể qđ ghi “đã thực hiện hành vi vi phạm hành chính: không truyền được thông tin, dữ liệu tàu cá về trung tâm...”. Ghi đúng phải là “<i>Không thực hiện đúng quy định trong trường hợp thiết bị giám sát hành trình bị hỏng hoặc không truyền được thông tin, dữ liệu từ tàu cá về trung tâm...</i>” - Biên bản vi phạm hành chính nhiều tờ nhưng không ký từng trang, không đóng dấu giáp liên
8.	Nguyễn Văn Phương	QB-93818-TS	31/10/2025	Việc xác định hành vi đúng nhưng cách ghi nội dung hành vi chưa đúng, cụ thể qđ ghi “đã thực hiện hành vi vi phạm hành chính:

				không truyền được thông tin, dữ liệu tàu cá về trung tâm...". Ghi đúng phải là " <i>Không thực hiện đúng quy định trong trường hợp thiết bị giám sát hành trình bị hỏng hoặc không truyền được thông tin, dữ liệu từ tàu cá về trung tâm...</i> "
9.	Ngô Tuấn Tí	QB-92266-TS	05/11/2025	Việc xác định hành vi đúng nhưng cách ghi nội dung hành vi chưa đúng, cụ thể ghi "đã thực hiện hành vi vi phạm hành chính: không truyền được thông tin, dữ liệu tàu cá về trung tâm...". Ghi đúng phải là " <i>Không thực hiện đúng quy định trong trường hợp thiết bị giám sát hành trình bị hỏng hoặc không truyền được thông tin, dữ liệu từ tàu cá về trung tâm...</i> " - Chưa lưu tài liệu chứng minh đã chấp hành quyết định xử phạt (biên lai nộp tiền phạt)
10.	Nguyễn Văn Quý	QB-91899-TS	25/3/2025	Nội dung biên bản vi phạm hành chính chưa chặt chẽ, không có thông tin cụ thể về hành vi vi phạm như thời điểm, vị trí mất kết nối...(như trong biên bản làm việc)
11.	Nguyễn Đạt	QB-91118-TS	30/10/2025	Quyết định xử phạt nhiều trang nhưng không có đóng dấu giáp liên, người vi phạm ký nhận nhưng không ghi ngày tháng nhận quyết định



chữ ký



Phụ lục 4

Tổng hợp Biên bản kiểm tra được lập trước thời gian tàu cá cập Cảng
(Kèm theo Kết luận thanh tra số 2039/KL-TTr ngày 24./7./2026 của Thanh tra tỉnh)

STT	Chủ tàu	Số đăng ký tàu cá	Ngày cập cảng	Thời gian cập/rời cảng (Số theo dõi)	Thời gian lập Biên bản kiểm tra của Văn phòng kiểm soát nghề cá
1	Trương Như Hải	QB91889-TS	12/01/2026	20h00	17h40
2	Mai Văn Tuyên	QB91267-TS	16/01/2026	8h00	07h30
3	Phan Văn Đoàn	QB11769-TS	18/01/2026	15h50	15h30
4	Hoàng Văn Hợi	QB91221-TS	20/01/2026	11h30	10h30
5	Đào Xuân Hậu	QB 91388-TS	1/2/2026	7h30	7h
6	Trần Đình Quang	QB 91265-TS	2/2/2026	17h30	16h
7	NguyễnNgọc Khánh	QB 91124-TS	4/2/2026	21h	20h
8	Phan Đình Tuất	QB 11394TS	06/2/2026	7h30	6h
9	Nguyễn Đạt	QB 91118-TS	25/3/2026	2h	13h20
10	Nguyễn Viết Dũng	QB -11952-TS	30/3/2026	16h10	15h30
11	Nguyễn Viết Nhân	QB 91280TS	31/3/2026	2h	1h30
12	Nguyễn Tuấn Ngọc	QB 91397-TS	31/3/2026	2h	1h30

dmk



Phụ lục 5

Tổng hợp Biên bản kiểm tra lập sau thời gian so với Phiếu giám sát sản lượng

(Kèm theo Kết luận thanh tra số 2239/KL-TTtr ngày 24/ 7/2026 của Thanh tra tỉnh)

STT	Chủ tàu	Số đăng ký tàu cá	Ngày cập cảng	Thời gian lập Biên bản kiểm tra tàu cập cảng	Thời gian bốc dỡ tại Phiếu giám sát sản lượng
1	Lại Tấn Quang	QB 11001-TS	01/01/2026	9h00	23h00-0h30
2	Lê Đình Chiến	QB11117-TS	01/01/2026	10h00	2h30-4h00
3	Nguyễn Văn Thanh	QB11038-TS	01/01/2026	11h00	4h10-5h10
4	Hồ Chí Quốc	QB91359-TS	01/01/2026	11h00	3h30-4h30
5	Đào Văn Tám	QB91149-TS	01/01/2026	11h10	4h10-5h10
6	Nguyễn Đức Thuận	QB91134-TS	01/01/2026	11h15	5h10-6h10
7	Hoàng Quang Hiếu	QB91259	01/01/2026	11h20	6h10-7h10
8	Phan Đình Tuất	QB11394	01/01/2026	15h00	4h10-5h10
9	Hoàng Quang Trường	QB91627	01/01/2026	16h00	4h20-5h20
10	Hoàng Việt Sửu	QB91678	10/01/2026	09h30	02h10-4h00
11	Phan Đình Tuất	QB11394	15/01/2026	8h00	5h-6h
12	Lê Văn Hải	QB11060	15/01/2026	9h30	6h-7h
13	Đào Văn Nhật	QB91168	15/01/2026	11h00	8h50-9h20
14	Hoàng Đức Sơn	QB11095	16/01/2026	07h00	3h-4h
15	Phạm Xuân Cư	QB11024	16/01/2026	07h00	3h-4h
16	Nguyễn Thanh Hải	QB11011	16/01/2026	07h10	3h-4h
17	Nguyễn Ngọc Hoàng	QB91012	19/01/2026	06h00	3h-5h
18	Lê Văn Miên	QB91522	19/01/2026	09h30	4h-5h
19	Lại Ngọc Hải	QB11345	20/01/2026	18h00	15h30-16h
20	Nguyễn Thái Hùng	QB11503	21/01/2026	07h00	3h40-4h20
21	Lại Tấn Nam	QB11807	21/01/2026	12h20	3h30-4h0

anh

22	Nguyễn Quốc Tuấn	QB 11011-TS	06/2/2026	20h40	6h05-7h
23	Lại Ngọc Hoàn	QB11155	01/3/26	8h00	4h10-5h
24	Lại Ngọc Hải	QB11345	01/3/26	19h30	15h-16h
25	Nguyễn Huy Chương	QB11638	02/3/26	19h50	02h10-3h00
26	Nguyễn Tiến Hạnh	QB11085	02/3/26	21h00	2h40-3h0
27	Nguyễn Duy Đức	QB 11486-TS	25/3/2026	13h40	4h45-5h30
28	Nguyễn Xuân Thuật	QB 91120-TS	25/3/2026	17h40	12h35-13h10
29	Nguyễn Đạt	QB 91118-TS	25/3/2026	13h30	2h10-6h00
30	Phạm Quốc Huy	QB 11111-TS	25/3/2026	15h30	1h50-4h45
31	Hoàng Anh Tý	QB 91186-TS	30/3/2026	17h	2h45-4h00
32	Nguyễn Thanh Hải	QB 11011-TS	30/3/2026	20h40	6h05-7h
33	Lại Ngọc Hải	QB 11345-TS	30/3/2026	21h	7h05-7h50h
34	Nguyễn Ngọc Ty	QB 91113-TS	30/3/2026	8h	4h45-5h30
35	Hoàng Đức Sơn	QB 11095-TS	30/3/2026	8h40	6h-6h30



Phụ lục 6

Bảng tổng hợp kết quả kiểm soát tàu cá ra, vào cảng

(Kèm theo Kết luận thanh tra số 2039/KL-TTr ngày 24/. 7/2026 của Thanh tra tỉnh)

STT	Đơn vị được kiểm tra	Thời gian (năm)	Tàu cá cập cảng (lượt)	Tàu cá rời cảng (lượt)	Nhận xét
1	Ban Quản lý Cảng cá và Đăng kiểm tàu cá tỉnh	2024	4.499	4.022	Thực hiện kiểm soát tàu cá ra, vào cảng theo quy định; phối hợp với Văn phòng Kiểm soát nghề cá và Trạm Biên phòng trong kiểm tra, giám sát tàu cá; thực hiện ghi chép, cập nhật và lưu trữ dữ liệu đầy đủ
		2025	4.917	5.029	
		Quý 1/2026	5.564	5.545	
2	Cảng cá Bến cá Chợ Cửa Việt	2024	2.776	2.564	Thực hiện kiểm soát tàu cá ra, vào cảng theo quy định; duy trì phối hợp với các lực lượng chức năng kiểm tra, giám sát tàu cá cập, rời cảng
		2025	3.121	3.139	
		Quý 1/2026	880	868	
3	Cảng cá Việt Trung	15/9/2025-31/12/2025	330	234	Cơ bản thực hiện công tác kiểm soát tàu cá ra, vào cảng theo quy định; duy trì phối hợp với Văn phòng Kiểm soát nghề cá và Trạm Biên phòng kiểm tra, giám sát tàu cá cập, rời cảng
		Quý 1/2026	530	564	
4	Cảng cá Chợ thủy sản - Cầu tàu Quảng Phúc	2025	687	603	Thực hiện kiểm soát tàu cá theo quy định; duy trì phối hợp với Văn phòng Kiểm soát nghề cá và Trạm Biên phòng kiểm tra, giám sát tàu cá cập, rời cảng
		Quý 1/2026	368	458	
5	Cảng cá Bến dịch vụ hậu cần nghề cá Mũi Ông	2024	0	0	Chưa phát sinh hoạt động tiếp nhận tàu cá do đang hoàn thiện cơ sở hạ tầng và điều kiện đưa cảng vào hoạt động.
		2025	433	433	Cơ bản thực hiện công tác kiểm soát tàu cá ra, vào cảng theo quy định; duy trì phối hợp với Văn phòng Kiểm soát nghề cá và Trạm Biên phòng kiểm tra, giám sát tàu cá cập, rời cảng
		Quý 1/2026	515	515	



Phụ lục 7

Bảng tổng hợp kết quả thu nộp nhật ký, báo cáo khai thác thủy sản (Kèm theo Kết luận thanh tra số 2039/KL-TTr ngày 24/7/2026 của Thanh tra tỉnh)

STT	Đơn vị được kiểm tra	Kết quả thu nhận nhật ký, báo cáo khai thác thủy sản	Việc sử dụng biểu mẫu
1	Ban Quản lý Cảng cá và Đăng kiểm tàu cá tỉnh	Đã thực hiện thu nhận nhật ký, báo cáo khai thác thủy sản theo quy định. Tổng số thu nhận: 13.871 cuốn, gồm: năm 2024: 4.347 cuốn; năm 2025: 4.822 cuốn; Quý I/2026: 4.702 cuốn. Tỷ lệ nộp nhật ký, báo cáo khai thác thủy sản đạt 100%	Sử dụng các mẫu biểu theo quy định từng thời kỳ: Mẫu 01 Phụ lục I (Báo cáo khai thác thủy sản) theo Thông tư số 21/2021/TT-BNNPTNT; Mẫu số 01, 02 Phụ lục VII theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT; từ khi Thông tư số 81/2025/TT-BNNMT có hiệu lực sử dụng Mẫu số 01, 02, 03 Phụ lục I theo quy định.
2	Cảng cá Bến cá Chợ Cửa Việt	Đã thực hiện thu nhận nhật ký khai thác thủy sản theo quy định. Thu nhận: năm 2024: 2.776 cuốn; năm 2025: 3.121 cuốn; Quý I/2026: 880 cuốn. Tỷ lệ nộp nhật ký, báo cáo khai thác thủy sản đạt 100%.	Sử dụng các mẫu biểu theo quy định từng thời kỳ: Mẫu 01 Phụ lục I (Báo cáo khai thác thủy sản) theo Thông tư số 21/2021/TT-BNNPTNT; Mẫu số 01, 02 Phụ lục VII theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT; từ khi Thông tư số 81/2025/TT-BNNMT có hiệu lực sử dụng Mẫu số 01, 02, 03 Phụ lục I theo quy định.
3	Cảng cá Việt Trung	Đã thực hiện thu nhận nhật ký khai thác thủy sản theo quy định. Từ ngày 15/9/2025 đến 31/12/2025 thu nhận 330 cuốn; Quý I/2026 thu nhận 530 cuốn. Tỷ lệ nộp nhật ký, báo cáo khai thác thủy sản đạt 100%.	Sử dụng các mẫu biểu theo quy định từng thời kỳ: Mẫu 01 Phụ lục I (Báo cáo khai thác thủy sản) theo Thông tư số 21/2021/TT-BNNPTNT; Mẫu số 01, 02 Phụ lục VII theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT; từ khi Thông tư số 81/2025/TT-BNNMT có hiệu lực sử dụng Mẫu số 01, 02, 03

chủ

			Phụ lục I theo quy định.
4	Cảng cá Chợ thủy sản - Cầu tàu Quảng Phúc	Đã thực hiện thu nhận nhật ký khai thác thủy sản theo quy định. Tổng số tiếp nhận 860 cuốn, gồm: năm 2025: 595 cuốn; Quý I/2026: 265 cuốn. Tỷ lệ nộp nhật ký, báo cáo khai thác thủy sản đạt 100%.	Sử dụng các mẫu biểu theo quy định từng thời kỳ: Mẫu 01 Phụ lục I (Báo cáo khai thác thủy sản) theo Thông tư số 21/2021/TT-BNNPTNT; Mẫu số 01, 02 Phụ lục VII theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT; từ khi Thông tư số 81/2025/TT-BNNMT có hiệu lực sử dụng Mẫu số 01, 02, 03 Phụ lục I theo quy định.
5	Cảng cá Bến dịch vụ hậu cần nghề cá Mũi Ông	Đã thực hiện thu nhận nhật ký, báo cáo khai thác thủy sản theo quy định. Tổng số tiếp nhận 967 cuốn, gồm: năm 2025: 610 cuốn; Quý I/2026: 357 cuốn. Tỷ lệ nộp nhật ký, báo cáo khai thác thủy sản đạt 100%.	Sử dụng các mẫu biểu theo quy định từng thời kỳ: Mẫu 01 Phụ lục I (Báo cáo khai thác thủy sản) theo Thông tư số 21/2021/TT-BNNPTNT; Mẫu số 01, 02 Phụ lục VII theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT; từ khi Thông tư số 81/2025/TT-BNNMT có hiệu lực sử dụng Mẫu số 01, 02, 03 Phụ lục I theo quy định.



Phụ lục 8

Bảng tổng hợp kết quả việc giám sát sản lượng thủy sản bốc dỡ qua cảng

(Kèm theo Kết luận thanh tra số 2039/KL-TTr ngày 24./7./2026 của Thanh tra tỉnh)

STT	Đơn vị được kiểm tra	Kết quả thực hiện	Tồn tại, hạn chế
1	Ban Quản lý Cảng cá và Đăng kiểm tàu cá tỉnh	- Đã bố trí lực lượng giám sát trực tiếp hoạt động bốc dỡ thủy sản của tàu cá khi cập cảng theo quy định; thực hiện giám sát theo từng tàu cá, từng chuyến biển. - Kết quả giám sát sản lượng thủy sản bốc dỡ qua cảng: năm 2024 đạt 4.726,985 tấn; năm 2025 đạt 3.901,290 tấn; quý I/2026 đạt 3.530,581 tấn. - Đã mở sổ theo dõi, ghi chép và quản lý sản lượng thủy sản bốc dỡ qua cảng theo đúng biểu mẫu quy định tại Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT và Thông tư số 81/2025/TT-BNNMT	Tại Cảng cá Cửa Việt: - Có 04 Phiếu giám sát chưa ghi đầy đủ thời gian thực hiện giám sát (giờ, phút, ngày, tháng, năm). - Có 19 Phiếu giám sát không ghi thời gian thực hiện giám sát (từ giờ, phút đến giờ, phút). Tại Cảng cá Nhật Lệ: - Có 01 Phiếu giám sát chưa có chữ ký, ghi rõ họ tên người giám sát. - Có 01 Phiếu giám sát không ghi thời gian thực hiện giám sát.
2	Cảng cá Bến cá chợ Cửa Việt	- Đã thực hiện giám sát sản lượng thủy sản bốc dỡ qua cảng theo quy định. - Sản lượng giám sát: năm 2024 đạt 5.972 tấn; năm 2025 đạt 4.954 tấn; quý I/2026 đạt 1.882 tấn. - Đã mở sổ theo dõi, cập nhật sản lượng thủy sản bốc dỡ qua cảng đầy đủ theo các biểu mẫu quy định. - Công tác giám sát hoạt động bốc dỡ thủy sản được thực hiện thường	

chủ/

		xuyên	
3	Cảng cá Việt Trung	- Đã mở sổ theo dõi, thực hiện giám sát sản lượng thủy sản bốc dỡ qua cảng theo quy định. - Việc ghi chép, theo dõi thực hiện theo đúng mẫu biểu quy định. - Sản lượng giám sát: từ ngày 15/9/2025 đến 31/12/2025 đạt 1.132,95 tấn; quý I/2026 đạt 1.985,364 tấn. - Công tác giám sát hoạt động bốc dỡ thủy sản được thực hiện thường xuyên	Có 04 Phiếu giám sát sản lượng thủy sản bốc dỡ qua cảng chưa có chữ ký xác nhận của chủ tàu hoặc thuyền trưởng theo quy định.
4	Cảng cá Chợ thủy sản - Cầu tàu Quảng Phúc	- Đã mở sổ và thực hiện theo dõi sản lượng thủy sản bốc dỡ qua cảng theo quy định. - Sản lượng thủy sản bốc dỡ thực tế: năm 2025 đạt 455 tấn; quý I/2026 đạt 209,9 tấn. - Công tác giám sát hoạt động bốc dỡ thủy sản của tàu cá được thực hiện theo quy định	- Có 86 Phiếu giám sát không ghi rõ họ và tên người giám sát sau khi ký tên. - Có 01 Phiếu giám sát không có chữ ký và không ghi rõ họ tên người giám sát. - Có 06 Phiếu giám sát không ghi đầy đủ thời điểm giám sát (từ giờ, phút đến giờ, phút; ngày, tháng).
5	Cảng cá Bến dịch vụ hậu cần nghề cá Mũi Ông	- Đã thực hiện công tác giám sát sản lượng thủy sản bốc dỡ qua cảng theo quy định. - Sản lượng thủy sản bốc dỡ thực tế: năm 2025 đạt 1.128,699 tấn; quý I/2026 đạt 386,325 tấn. - Đã mở sổ theo dõi, ghi chép và quản lý sản lượng thủy sản bốc dỡ qua cảng theo đúng quy định. - Công tác giám sát hoạt động bốc dỡ thủy sản được thực hiện thường xuyên.	- 03 Phiếu giám sát chưa ghi đầy đủ thông tin theo quy định (thiếu người giám sát, số đăng ký tàu cá, tên thuyền trưởng, chữ ký người giám sát). - 04 Phiếu giám sát chưa ghi thời gian bốc dỡ và tên người giám sát.



Phụ lục 9

Bảng tổng hợp kết quả cập nhật dữ liệu từ nhật ký, báo cáo khai thác vào cơ sở dữ liệu quốc gia (VNFishbase)

(Kèm theo Kết luận thanh tra số 2039/KL-TTr ngày 24/.7/2026 của Thanh tra tỉnh)

STT	Đơn vị được kiểm tra	Thời gian (năm)	Tàu cá cập cảng (lượt)	Tàu cá rời cảng (lượt)	Nhật ký/Báo cáo khai thác	Nhận xét
1	Ban Quản lý Cảng cá và Đăng kiểm tàu cá tỉnh	2024	4.499/4.499 (100%)	4.022/4.022 (100%)	4.347/4.347 (100%)	Thực hiện cập nhật đầy đủ, kịp thời theo quy định
		2025	4.917/4.917 (100%)	5.029/5.029 (100%)	4.822/4.822 (100%)	Dữ liệu được cập nhật đầy đủ
		Quý 1/2026	5.564/5.564 (100%)	5.545/5.545 (100%)	5.363/5.363 (100%)	Duy trì thực hiện tốt việc cập nhật dữ liệu
2	Cảng cá Bến cá Chợ Cửa Việt	2024	Chưa thực hiện	Chưa thực hiện	Chưa thực hiện	Chưa triển khai cập nhật dữ liệu trên hệ thống VNFishbase
		2025	2.056/3.121 (65%)	1.950/3.139 (62%)	2.056/3.121 (65%)	Tỷ lệ cập nhật chưa đạt yêu cầu
		Quý 1/2026	750/880 (85%)	730/868 (84%)	750/880 (85%)	Có chuyển biến tích cực, tỷ lệ cập nhật tăng so với năm 2025 nhưng vẫn chưa đạt 100%

3	Cảng cá Việt Trung	15/9/2025- 31/12/2025	310/330 (94%)	233/330 (71%)	330/330 (100%)	Cập nhật đầy đủ nhật ký khai thác; tỷ lệ cập nhật tàu rời cảng chưa đạt yêu cầu
		Quý 1/2026	494/530 (93%)	564/530 (106%)	530/530 (100%)	Thực hiện đầy đủ cập nhật nhật ký khai thác; số lượt tàu rời cảng cao do phát sinh từ các chuyến biển trước
4	Cảng cá Chợ thủy sản - Cầu tàu Quảng Phúc	2025	687/687 (100%)	603/603 (100%)	595/595 (100%)	Thực hiện đầy đủ, kịp thời việc cập nhật dữ liệu
		Quý 1/2026	368/368 (100%)	439/458 (96%)	265/265 (100%)	Duy trì thực hiện tốt
5	Cảng cá Bến dịch vụ hậu cần nghề cá Mũi Ông	01/01– 31/10/2025	37/356 hồ sơ (10,4%)	37/356 hồ sơ (10,4%)	37/356 hồ sơ (10,4%)	Tỷ lệ cập nhật chưa đạt yêu cầu
		01/11– 31/12/2025	160/254 (63%)	160/254 (63%)	160/254 (63%)	Đã có sự cải thiện nhưng vẫn chưa đạt yêu cầu
		Quý 1/2026	357/357 (100%)	357/357 (100%)	357/357 (100%)	Đã thực hiện cập nhật đầy đủ, kịp thời theo quy định